

Số: 0329.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2149.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngân 1,2 - Trạm cấp nước Kim Ngân phường 9. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp - Tại Trạm cấp nước phường 9. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 23/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 85-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/12/2025 - 30/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,0°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,6°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,54	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,30	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,06	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	400	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,96	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	38,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	17,0	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,09	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	7,56	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,20	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	135,1	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐO CHỨC NĂNG



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0329.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2150.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngân 1,2 - Trạm cấp nước Kim Ngân phường 9. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp - Tại hộ: Mai Văn Độ. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 23/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 86-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/12/2025 - 30/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,0°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,6°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,52	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,31	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,07	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	430	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,01 mgN/L	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	40,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	20,6	≤ 250

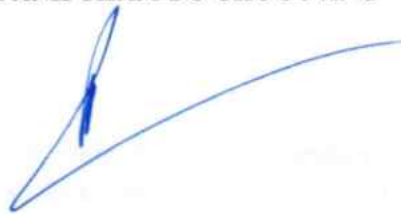
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,10	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	9,11	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,22	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	143,0	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	126	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	42	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu Coliforms và Pseudomonas aeruginosa không đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐO CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0329.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2151.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP

Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu

Địa điểm lấy mẫu : Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngân 1,2 - Trạm cấp nước Kim Ngân phường 9. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp - Tại hộ: Nguyễn Thị Tư. Địa chỉ: Khu phố 3, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp

Ngày lấy mẫu : 23/12/2025

Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 87-MT

Lượng mẫu : 4,5 L

Ngày nhận mẫu : 23/12/2025

Thời gian thử nghiệm : 23/12/2025 - 30/12/2025

Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,0°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,6°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	0,50	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,32	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,07	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	485	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,06	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,64	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	42,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	25,9	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	< LOQ = 0,003 mgN/L	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,09	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	18,3	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,25	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	137,0	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	18	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có chỉ tiêu Coliforms không đạt theo QCĐP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐO CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0329.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Mã số mẫu: 2152.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngân 1,2 - Trạm cấp nước Kim Ngân phường 2. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp - Tại Trạm cấp nước phường 2. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 23/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 88-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/12/2025 - 30/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,0°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,6°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cổ định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,31	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,08	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	390	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/l	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,21	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,96	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	56,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	98,9	≤ 250

BMQL 22-02A-25

Đ/C: Số 316, Quốc lộ 1A, tổ 22, Khu phố Long Hưng, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 0273.3872.368 - Fax: (84-273) 3881908 - Email:ttksbtg.xn@gmail.com

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,003	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,08	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	14,2	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,23	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	171,2	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Hoàng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0329.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2153.25



VILAS 502

Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngân 1,2 - Trạm cấp nước Kim Ngân phường 2. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp - Tại hộ: Lê Thị Loan. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 23/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 89-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/12/2025 - 30/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,0°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,6°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,29	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,20	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	425	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,20	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,96	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	53,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	100	≤ 250

13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,01	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,10	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	14,8	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,20	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	165,6	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐO CHỨC NĂNG



Lê Hồng Phương

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hồng Thị Quỳnh Diệu

Số: 0329.25/KSBT-XN

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2154.25



Tên khách hàng : ĐOÀN NGOẠI KIỂM 155 - TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT ĐỒNG THÁP
Địa chỉ : Số 316 Quốc lộ 1A, tổ 22, khu phố Long Hưng, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp
Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Hồng Châu
Địa điểm lấy mẫu : Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngân 1,2 - Trạm cấp nước Kim Ngân phường 2. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp - Tại hộ: Lê Ngọc Lại. Địa chỉ: Khu phố 4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Ngày lấy mẫu : 23/12/2025
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH - MS: 90-MT
Lượng mẫu : 4,5 L
Ngày nhận mẫu : 23/12/2025
Thời gian thử nghiệm : 23/12/2025 - 30/12/2025
Tình trạng mẫu : Mẫu lý hóa đựng trong bình nhựa 2 lít và 1 lít, nhiệt độ mẫu 35,9°C và 36,0°C
Mẫu vi sinh đựng trong chai thủy tinh vô trùng, nhiệt độ mẫu 35,6°C
Mẫu thực hiện chỉ tiêu hydro sulfua đựng trong chai thủy tinh 500ml cố định bằng dung dịch NaOH và Zn(CH₃COO)₂.
Mẫu còn nguyên niêm phong của Đoàn ngoại kiểm.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Sтт	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn
1	Mùi, vị	SMEWW 2150 - B (2023), SMEWW 2160 - B (2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	Màu sắc (TCU)	TCVN 6185 - 2015(*)	< LOQ = 6 TCU	≤ 15
3	Độ đục (NTU)	TCVN 12402-1: 2020(*)	< LOQ = 0,5 NTU	≤ 2
4	Độ pH	TCVN 6492 : 2011 (*)	8,27	6,0 - 8,5
5	Hàm lượng sắt (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	0,14	≤ 0,3
6	Tổng chất rắn hòa tan (mg/l)	SMEWW 2540 C (2023)(*)	415	≤ 1000
7	Hàm lượng Asen (mg/l)	SMEWW 3114B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,0004 mg/l	≤ 0,01
8	Hàm lượng Hydro Sulfua (mg/l)	SMEWW 4500S ²⁻ - F (2023)(*)	0,032	≤ 0,05
9	Hàm lượng amoni (mgN/l)	SMEWW 4500NH ₃ -F(2023)(*)	0,22	≤ 0,3
10	Chỉ số Permanganat (mg/l)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,96	≤ 2
11	Độ cứng (mg/l)	SMEWW 2340 C (2023) (*)	55,0	≤ 300
12	Độ mặn(mg/l)	TCVN 6194 - 1996 (*)	97,1	≤ 250

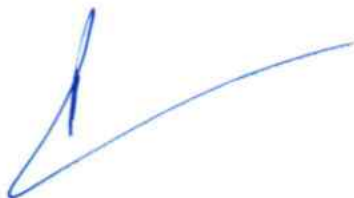
13	Hàm lượng Nitrit (mgN/l)	SMEWW 4500 NO ₂ - B (2023) (*)	0,004	≤ 0,05
14	Hàm lượng Nitrat (mgN/l)	SMEWW 4500-NO ₃ B (2023) (*)	0,09	≤ 2
15	Hàm lượng Sulfat (mg/l)	SMEWW 4500-SO ₄ -E (2023) (*)	14,9	≤ 250
16	Hàm lượng mangan (mg/l)	SMEWW 3111B (2023) (*)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,1
17	Hàm lượng Florua (mg/l)	TCVN 6195 : 1996 (*)	0,19	≤ 1,5
18	Hàm lượng Na (mg/l)	TCVN 6193-3:2000(*)	154,4	≤ 200
19	Coliforms (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 3
20	E.Coli (CFU/100ml)	TCVN 6187-1:2019 (*)	Không phát hiện	< 1
21	Pseudomonas aeruginosa (CFU/100ml)	TCVN 8881 : 2011(ISO 16266:2006)(*)	Không phát hiện	< 1

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu thử nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCDP 02:2024/TG.

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.*

**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM –
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM ĐÒ CHỨC NĂNG**



Lê Hồng Phương

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Thị Quỳnh Diệu